

KT3-02964AHO4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/05/2024
Trang 01/02

1. Tên mẫu : ANNATURALS – TINH DẦU VỎ CAM
Số lô: UMX - VC0524
NSX: 06/05/2024 HSD: 05/05/2027
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu dạng lỏng, đựng trong chai thủy tinh.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 13/05/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 14/05/2024 - 18/05/2024
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ƯỚC MƠ XANH
Số 113 Âu Cơ, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

PHỤ TRÁCH PTN HÓA



Nguyễn Thành Bảo

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-02964AHO4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/05/2024
Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1. Tỷ trọng ở 20 °C / 20 °C	TCVN 8444:2010	0,845	-
7.2. Chỉ số khúc xạ ở 20 °C	TCVN 8445:2010 (*)	1,4721	-
7.3. Thành phần đơn hương (+), %	QUATEST3 1024:2022 - (GC/MS)		-
▪ α-Pinene		0,3	
▪ β-Myrcene		0,9	
▪ Limonene		98,0	
▪ Octanal		0,2	
▪ β-Phellandrene		0,2	
▪ Linalool		0,4	

Ghi chú:

- (*) Đo bằng thiết bị đo chỉ số khúc xạ Atago model DR-A1-Plus
- (+) Được tính trên cơ sở phần trăm diện tích peak của các hợp chất hữu cơ bay hơi.